

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 08/2020/ST-HNGĐ
Ngày 20 - 7 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hoàng Ngọc Thoan;

2- Bà Võ Thị Trúc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà (địa chỉ: Số 45-Lê Lợi, thành phố Đông Hà) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2020 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2020 và số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc T, sinh năm: 1963;

Nơi ĐKKHKT: Khu phố S, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Hiện tạm trú tại: Số 51A đường H, Khu phố M, phường DL, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1964;

Nơi ĐKKHKT: Khu phố S, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Hiện tạm trú tại: Số 51A đường H, Khu phố M, phường DL, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2020, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Ngọc T (Sau đây viết tắt là: ông T), trình bày:

- Ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đăng ký kết hôn vào năm 1987 tại Ủy ban nhân xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Sau ngày cưới, vợ chồng ông T bà L về sống chung với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và sinh 03 con chung.

Trong 05 năm trở lại đây, vợ chồng ông T làm ăn thua lỗ nên vợ chồng Ông quyết định bán hết tài sản hiện có để trả nợ rồi cùng nhau ra thành phố Đông Hà làm ăn, sinh sống (Ông T làm nghề lái xe ô tô, bà L lo công việc nội trợ và buôn bán nhỏ) và cũng kể từ đó mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh. Theo ông T, nguyên nhân: Do bà L thường xuyên cho rằng “Ông T thiếu trách nhiệm với gia đình” bên cạnh đó, bà L còn nghi kỵ ông T có quan hệ bất chính nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và ngày càng trầm trọng. Cuối năm 2019, vợ chồng ông T và bà L đã tự phân chia những tài sản hiện có và mỗi bên tự lo toan cuộc sống của mình. Vì vậy, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ông được ly hôn bà L.

- Về con chung: Theo ông T, vợ chồng Ông có 03 con chung, cụ thể: Lê Đức Tr, sinh năm 1988; Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1993 và Lê Thị Hương L, sinh năm 1995. Ông T cho rằng, anh T, chị T và chị L đã trưởng thành và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. *Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 18/3/2020; Ý kiến tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải vào các ngày 05/5/2020, ngày 08/5/2020 cũng như ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2020, bị đơn là bà Nguyễn Thị L, trình bày:*

- Việc kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thực trạng tình cảm vợ chồng, con chung như ông T trình bày nêu trên.

- Tuy bà L với ông T đã bỏ mặc lẫn nhau nhưng bà L vẫn còn thương yêu ông T nên Bà thiết tha mong muốn được đoàn tụ để con có cha, cháu có ông và vợ có chồng.

- Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*” và xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử

* Về nội dung vụ án:

- Hôn nhân giữa ông T và bà L là hợp pháp;

- Tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông T và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng cải thiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1- Quan hệ tranh chấp, Thẩm quyền:

- *Quan hệ tranh chấp:* Ông Lê Ngọc T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ông được ly hôn bà Nguyễn Thị L. Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà L đều xác định “Các con của Ông Bà đã thành niên và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông T và bà L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung”. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Quan hệ tranh chấp giữa ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị L là “*Tranh chấp ly hôn*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Thẩm quyền:* Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến trình bày của hai bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định: Bị đơn (bà L) đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố S, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị theo Sổ Hộ khẩu số 510143752 do Công an thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, cấp ngày 25/9/2013 nhưng Bà đang tạm trú tại số 51 A đường H, Khu phố M, phường ĐL, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị theo Sổ tạm trú số 510015345 do Công an phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, cấp ngày 29/12/2019. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bà L tại địa chỉ tạm trú. Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của ông T là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2- *Xét xử vắng mặt bị đơn:* Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bà L theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bà L nhưng bà L vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa để xem xét, giải quyết vụ án.

2.1- Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/1987 tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong tỉnh Quảng Trị trên cơ sở

tình yêu tự nguyện của hai bên. Do đó, hôn nhân giữa ông T và bà L là hợp pháp.

Theo nội dung trình bày của ông T và bà L trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ để xác định: Do gặp khó khăn về kinh tế trong cuộc sống thường ngày và sự nghi kỵ của bà L đối với ông T dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ông T bà L phát sinh, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được kết quả. Cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng ông T bà L không còn sống chung với nhau, mỗi bên tự lo toan cuộc sống của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L mong muốn được đoàn tụ để “con có cha, cháu có ông và vợ có chồng” nhưng Bà lại không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tính cảm vợ chồng và Bà lại 02 lần vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt tại phiên tòa đã thể hiện ý thức của bà L đã “bỏ mặc tình trạng hôn nhân”.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông T bà L đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Ngọc T.

2.2- *Về con chung*: Vợ chồng ông T bà L có 03 con chung, cụ thể: Lê Đức T, sinh năm 1988; Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1993 và Lê Thị Hương L, sinh năm 1995.

Anh T, chị T và chị L đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3- *Về tài sản chung*: Ông T và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc T.

1- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc T được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

2- Về án phí: Buộc ông Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2018/0000433 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Đông Hà. (Ông T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia

đình sơ thẩm).

3- Về quyền kháng cáo:

Ông Lê Ngọc T có quyền kháng bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/7/2020).

Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Chi cục THADS T.P Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Huy